

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/DS-PT
Ngày: 21/3/2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thoa
Bà Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”..

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1505/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1087/2019/QĐ - PT ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **L**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 12 Đường H, Phường P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đ**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: 528 đường C, Phường P2, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 014933, Quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09/9/2017 tại Văn phòng công chứng Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông **H**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: số 974 Đường S, Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/5/2016, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà L có ông Đ đại diện ủy quyền trình bày:

Năm 2015, do là chỗ làm ăn quen biết, ông H mượn của bà L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), cụ thể: Ngày 14/01/2015, mượn 250.000.000 đồng. Ngày 05/5/2015, mượn 250.000.000 đồng. Điều không tính lãi, không có thời hạn mượn. Từ đầu năm 2016, bà L nhiều lần yêu cầu nhưng ông H không trả tiền vay.

Ngày 22/8/2016, Thừa phát lại Quận Q4 lập Vi bằng số 1343/VB-TPL về việc thông báo yêu cầu ông H phải trả số tiền vay nêu trên, nhưng ông H vẫn trả tiền. Đối với phần trình bày của ông H tại các buổi làm việc của Tòa án cho rằng số tiền 500.000.000 đồng nêu trên là tiền cần trừ việc mua bán nhà hoặc thủ tục hoàn công nhà, bà L đều không đồng ý.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả lại toàn bộ số tiền vay còn nợ 500.000.000 đồng cho bà L, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông H trình bày:

Do là chỗ quen biết, thường giúp đỡ nhau trong công việc, ngày 17/02/2014, bà L có biên bản góp vốn với số tiền 250.000.000 đồng với Công ty Cổ phần Quốc Tế Mi An do ông H là người đại diện theo pháp luật. Ngày 14/01/2015, ông có ký giấy mượn bà L số tiền 250.000.000 đồng và ngày 05/5/2015, ông tiếp tục ký giấy mượn bà L số tiền 250.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2016, ông và ông T đã đến nhà và trả cho bà L 500.000.000 đồng bao gồm 250.000.000 đồng tiền góp vốn và 250.000.000 đồng ký mượn ngày 14/01/2015 (thực chất là bà L còn nợ ông T 250.000.000 đồng tiền mua nhà). Do tin tưởng, ông không yêu cầu bà L ký giấy nhận tiền, bà L có hẹn sẽ tìm lại giấy mượn tiền ngày 14/01/2015 và trả lại cho ông, ông cũng chưa thanh lý biên bản góp vốn nên đồng ý.

Đối với giấy mượn tiền ký ngày 05/5/2015, bà L ủy quyền cho ông đóng thuế thu nhập cá nhân cho vợ chồng bà L khi bán nhà và giúp bà L làm thủ tục hoàn công cho một căn nhà ở Phường P3, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L yêu cầu ông ký trước giấy mượn tiền, khi nào xong giấy tờ hoàn công thì tiền ông

ký mượn ngày 05/5/2015 sẽ trả chi phí hoàn công. Thực tế sau khi cân trừ chi phí hoàn công, ông chỉ còn nợ bà L 35.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H không đồng ý toàn bộ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1505/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông H trả cho bà L số tiền là 500.000.000 đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì ông H còn phải trả cho bà L số tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấm dứt giấy vay tiền ghi ngày 14/01/2015 có ghi “tôi H, có mượn của chị L số tiền 250.000.000đ...” và giấy vay tiền ghi ngày 05/5/2015 có nội dung “tôi H có mượn của chị L số tiền 250.000.000đ...”

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 24.000.000 đồng ông H phải chịu.

Hoàn lại 12.000.000 đồng cho bà L theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2014/002354 ngày 08/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, tại Ủy ban nhân dân Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Vũ Quốc Thông – đại diện Tòa án nhân dân Quận Q1 đã thực

hiện việc tổng đạt bản án dân sự sơ thẩm số 1505/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 cho ông H.

Ngày 18/12/2018, bị đơn – ông H nộp Đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T để thu thập chứng cứ làm rõ ông T đã bán nhà (của ông và ông T góp vốn mua) cho bà L nhưng chưa nhận tiền để bà L bán cho người khác và đã cản trở vào sổ tiền ông nợ bà L khi bà L bán nhà. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ việc bà L chưa trả chi phí cho ông khi ông thực hiện ủy quyền của bà L đi nộp thuế sang tên nhà và làm đại diện theo ủy quyền của bà L để giải quyết tranh chấp căn nhà số 449G/10 Đường Đ, Phường P3, quận Q3, bà L chưa nộp chi phí cho ông về việc lo thủ tục cho cháu bà L là Ông C đi lao động tại Nhật Bản. Các khoản tiền này có liên quan đến khoản tiền bà L khởi kiện ông nhưng Tòa án nhân dân Quận Q1 không làm rõ tình tiết này, xét xử vụ án không công bằng, không khách quan nên ông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

- Nguyên đơn - bà L có ông Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nguyên đơn xác định chỉ cho một mình ông H vay tiền và chỉ yêu cầu một mình ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, không yêu cầu vợ của ông H cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn – ông H trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm, ông thừa nhận có vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng theo hai giấy vay tiền ngày 14/01/2015 và giấy vay tiền ngày 05/5/2015. Ông cho rằng số tiền này ông đã trả hết cho bà L bằng cách cản trở vào sổ tiền bà L mua căn nhà (của ông và ông T góp vốn mua), ngoài ra số tiền ông nợ bà L đã được cản trở vào chi phí bà L trả cho ông khi ông thực hiện ủy quyền của bà L đi nộp thuế sang tên nhà, làm đại diện theo ủy quyền của bà L để giải quyết tranh chấp căn nhà số 449G/10 Đường Đ, Phường P3, quận Q3 và chi phí bà L chưa nộp cho Công ty của ông về việc lo thủ tục cho cháu bà L là Ông C đi lao động tại Nhật Bản. Ông không đồng ý trả các khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 286 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện kiểm sát và giao cho các đương sự, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 290, 292 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 297, 298, 301, 302, 303, 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về kháng cáo của đương sự:

Ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng: giữa ông T và bà L đã thỏa thuận về việc cản trừ số nợ 500.000.000 đồng thông qua việc mua bán nhà và làm dịch vụ cho bà L nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc cản trừ này. Vì vậy ông không đồng ý trả nợ cho bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H thừa nhận có mượn của bà L số tiền 500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền nhưng đã được cản trừ từ việc mua bán nhà và làm dịch vụ nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh để Tòa án xem xét việc cản trừ, lời trình bày của ông H không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở xem xét việc cản trừ. Tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bà L xác định trong giấy mượn tiền chỉ ghi ông H nên chỉ yêu cầu một mình ông H trả nợ và không yêu cầu trả lãi được ghi nhận là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông H ghi trong nội dung kháng cáo triệu tập ông T; bản án sơ thẩm không xem xét đến công sức của ông về việc bà L nhờ ông giải quyết tranh chấp giữa bà L và ông Hòa; Việc ông Cường là cháu bà L đi xuất khẩu lao động còn nợ tiền của ông , những nội dung yêu cầu của ông H đưa ra không liên quan đến vấn đề giải quyết trong vụ án này nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1505/2018/DS – ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q1 Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc nguyên đơn có yêu cầu vợ của bị đơn cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn không để đưa vợ của bị đơn vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ cho một mình bị đơn vay tiền và chỉ yêu cầu một mình bị đơn trả nợ cho nguyên đơn, không yêu cầu vợ của bị đơn cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, không cần thiết đưa vợ của bị đơn vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà L khởi kiện ông H tại Tòa án, yêu cầu buộc ông H phải trả lại cho bà số tiền nợ vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo các giấy ông H ký vay tiền vào ngày 14/01/2015 và ngày 05/5/2015.

[2.2] Ông H không có yêu cầu phản tố, không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà L. Ông cho rằng số tiền ông vay của bà L được căn trừ vào số tiền bà L mua nhà còn nợ ông T 250.000.000 đồng. Đối với giấy mượn tiền ký ngày 05/5/2015, bà L ủy quyền cho ông đóng thuế thu nhập cá nhân cho vợ chồng bà L, làm thủ tục hoàn công cho một căn nhà ở Phường P3, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L yêu cầu ông ký trước giấy mượn tiền, khi nào xong giấy tờ hoàn công thì tiền ông ký mượn ngày 05/5/2015 sẽ trả chi phí hoàn công. Thực tế, sau khi căn trừ chi phí hoàn công, ông chỉ còn nợ bà L 35.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1.] Căn cứ giấy vay tiền ngày 14/01/2015, nội dung thể hiện: Tôi H có mượn của chị L số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

[3.2.] Căn cứ giấy vay tiền ngày 05/5/2015, nội dung thể hiện: Tôi H có mượn chị L số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Hai giấy vay tiền nêu trên không ghi thời hạn vay và lãi suất.

[3.3.] Ngày 22/8/2016, Văn phòng Thừa phát lại Quận Q4 lập Vi bằng số 1343/VB-TPL ghi nhận sự việc bà L giao thông báo về việc yêu cầu trả tiền vay mượn tại căn hộ số 974A Đường S, Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bằng Thông báo này, bà L yêu cầu ông H trả cho bà toàn bộ số tiền vay 500.000.000 đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày 22/8/2016. Đến nay, ông H vẫn chưa trả cho bà L số tiền nêu trên.

[3.4.] Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[3.5.] Đến nay, đã quá thời hạn theo thông báo yêu cầu trả tiền nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà L, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà L khởi kiện ông H yêu cầu trả số nợ 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/01/2015 và giấy vay tiền ngày 05/5/2015 là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

[3.6.] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H có nhiều lời khai mâu thuẫn, tại bản tự khai ông cho rằng số tiền 500.000.000 đồng trả cho bà L ngày 19/01/2016, trong đó 250.000.000 ông trả tiền góp vốn, 250.000.000 ông trả tiền vay ngày 14/01/2015. Tại biên bản hòa giải và biên bản đối chất, ông H lại trình bày đó là tiền cần trừ mua nhà giữa ông T và bà L. Đối với giấy vay ngày 05/5/2015, ông H cho rằng đó là tiền hoàn công, lúc thì ông yêu cầu bà L phải trả cho ông 100.000.000 đồng, lần sau ông yêu cầu bà L phải trả cho ông 150.000.000 đồng, lần cuối cùng ông đồng ý trả cho bà L 35.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/8/2016 ông H yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là ông T nhưng ông H không cung cấp được địa chỉ, thông tin của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định số 46/2017/QĐ – CCTLCC ngày 30/3/2017, yêu cầu ông H cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ: các giấy tờ, tài liệu chứng minh số tiền 250.000.000 đồng ông vay của bà L vào ngày 14/01/2015 đã được trả thông qua hình thức cần trừ vào tiền mua nhà giữa bà L và ông T. Các giấy tờ, tài liệu chứng minh số tiền 250.000.000 đồng ông vay của bà L vào ngày 05/5/2015 là tiền bà L đưa ông để thực hiện thủ tục hoàn công. Quá thời hạn theo quy định, ông H vẫn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh lời khai của ông.

[3.7.] Tại phiên tòa hôm nay ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh rằng ông đã trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng theo hai giấy vay tiền ngày 14/01/2015 và giấy vay tiền ngày 05/5/2015. Người đại diện theo ủy quyền của bà L không thừa nhận lời khai của ông H về việc trả nợ như ông đã khai, không có cơ sở xác định ông H đã trả cho bà L số tiền nợ 500.000.000 đồng. Từ nhận định trên, xét thấy việc ông H kháng cáo không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[3.8.] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3.9.] Hội đồng xét xử, xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.10.] Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bị đơn – ông H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1505/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà L.

Buộc bị đơn - ông H thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 14/01/2015 và

giấy vay tiền ngày 05/5/2015 khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà L có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu ông H không thực nghiệm nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), ông H phải chịu, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002354 ngày 08/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q1.

Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bị đơn - ông H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0021598 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q1. Ông H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận Q1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q1;
- Đương sự;
- Lưu (T15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Mai